

Số: 4822/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Hệ thống biểu mẫu
báo cáo thống kê công tác y dược cổ truyền và cách ghi chép**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 03/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê công tác y dược cổ truyền và cách hướng dẫn ghi chép biểu mẫu.

Điều 2. Hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê công tác y dược cổ truyền này áp dụng cho các đơn vị (Bệnh viện, viện có giường bệnh và các trường đại học y, dược) trực thuộc Bộ Y tế và Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3. Giao cho Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền - Bộ Y tế có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện ghi chép biểu mẫu, phương pháp thu thập số liệu, tổng hợp báo cáo về lĩnh vực y dược cổ truyền. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các đơn vị, địa phương báo cáo về Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền để nghiên cứu, giải quyết.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Quyết định này thay thế Quyết định số 934/QĐ-BYT ngày 22/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành Hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê công tác y dược cổ truyền.

Điều 5. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng Cục trưởng Tổng Cục DS-KHHGD thuộc Bộ Y tế, Giám đốc các đơn vị, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5 (để thực hiện);
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);
- Lưu: VT, YDCT.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Xuyên

Tên cơ quan quản lý.....
Tên đơn vị báo cáo:.....
Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

THỐNG KÊ CÔNG TÁC Y, DƯỢC CỎ TRUYỀN

NĂM 201.....

Ngày..12 tháng 11...năm 2015.

(Ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế số 4822/QĐ-BYT

ngày 12 tháng 11 năm 2015)

Ngày nhận báo cáo: Từ ngày 01/01 đến ngày 15/01

Đơn vị báo cáo:

Nơi nhận báo cáo: Cục Quản lý Y, Dược cỏ truyền, Bộ Y tế

Địa chỉ: 138A Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội

**HỆ THỐNG BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ
CÔNG TÁC Y DƯỢC CỔ TRUYỀN VÀ CÁCH HƯỚNG DẪN GHI CHÉP**
(Ban hành kèm theo quyết định số: /QĐ-BYT, ngày tháng năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Y tế)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hệ thống biểu mẫu thống kê công tác Y, Dược cổ truyền

Hệ thống Biểu mẫu báo cáo thống kê công tác y, dược cổ truyền gồm 16 biểu mẫu báo được đánh số từ biểu 01 đến biểu 16 ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BYT, ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Chế độ thống kê báo cáo

2.1. Định kỳ hằng năm các địa phương, đơn vị báo cáo theo các biểu mẫu quy định.

2.2. Đơn vị gửi báo cáo:

- Các đơn vị (Bệnh viện, viện có giường bệnh và các trường đại học y, dược) trực thuộc Bộ Y tế

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2.3. Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Y tế (Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền);

2.4. Hình thức báo cáo: Bằng văn bản có đóng dấu của đơn vị báo cáo và file mềm theo địa chỉ Email: kehoachtaichinhdyct@gmail.com

2.5. Thời gian thống kê số liệu: Số liệu thống kê trong báo cáo được tính đến hết ngày 31/12 của kỳ báo cáo.

2.6. Yêu cầu văn bản báo cáo: Văn bản báo cáo sử dụng mã Unicode và font chữ Times New Roman

3. Thực hiện báo cáo

- Các đơn vị (Bệnh viện, viện có giường bệnh, bệnh viện thực hành thuộc trường đại học y) trực thuộc Bộ Y tế: Thực hiện báo cáo các biểu mẫu 01, 02, 03, 04, 05.

- Các đơn vị (Trường đại học y, dược và các Trung tâm đào tạo thuộc bệnh viện, viện có giường bệnh) trực thuộc Bộ Y tế: Thực hiện báo cáo các biểu mẫu 03, 04, 05.

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thực hiện báo cáo

các biểu mẫu 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16.

Chú ý:

- Đối với bệnh viện thực hành thuộc các trường đại học y và đơn vị đào tạo thuộc các bệnh viện, viện có giường bệnh sau khi thu thập số liệu và hoàn thành báo cáo gửi về đơn vị chủ quản để tổng hợp hoặc có thể gửi trực tiếp hai nơi: Bộ Y tế (Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền) và đơn vị chủ quản để tổng hợp.

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào các biểu mẫu báo cáo gửi về các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc và tuyến dưới để lấy số liệu và tổng hợp hoàn thành báo cáo.

www.LuatVietnam.vn

4. Một số chữ viết tắt:

BHYT	Bảo hiểm y tế
GS	Giáo sư
PGS	Phó Giáo sư
TS	Tiến sĩ
Ths	Thạc sĩ
CKII	Chuyên khoa II
CKI	Chuyên khoa I
KTV	Kỹ thuật viên
GV	Giảng viên
TW	TW
STT	Số thứ tự
YDCT	Y dược cổ truyền
YHCT	Y học cổ truyền
YHHĐ	Y học hiện đại
YDHCT	Y dược học cổ truyền

II. HƯỚNG DẪN CÁCH GHI CHÉP

1. Biểu mẫu 01: Khám, chữa bệnh

STT	Tiêu chí	Tổng số
I. Tổng số khám và điều trị của bệnh viện, viện có giường bệnh		
1	Tổng số lượt khám bệnh /1 năm	
2	Tổng số lượt điều trị ngoại trú/1 năm	
3	Tổng số lượt điều trị nội trú và nội trú ban ngày/1 năm	
II. Tổng số khám và điều trị của Khoa/liên khoa Y học cổ truyền trong các bệnh viện, viện có giường bệnh		
4	Tổng số lượt khám bệnh /1 năm	
5	Tổng số lượt điều trị ngoại trú/1 năm	
6	Tổng số lượt điều trị nội trú và nội trú ban ngày/1 năm	

Mục đích:

Biểu mẫu 01 sử dụng để thống kê số liệu về khám, chữa bệnh của các đơn vị (Bệnh viện, viện có giường bệnh, bệnh viện thực hành thuộc trường đại học y) trực thuộc Bộ Y tế.

Một số khái niệm

- *Khái niệm một lần khám bệnh:* Là một lần người bệnh được thầy thuốc thăm khám về lâm sàng hoặc kết hợp cận lâm sàng hay thủ thuật thăm dò khác nhằm mục đích chẩn đoán và điều trị.

Đối với một số trường hợp được quy định như sau:

+ Sau khi khám một chuyên khoa nếu cần phải gửi người bệnh đi khám thêm các chuyên khoa khác thì mỗi lần khám một chuyên khoa được tính một lần khám bệnh.

+ Trong trường hợp nhiều thầy thuốc chuyên khoa cùng hội chẩn trước một người bệnh thì chỉ tính một lần khám bệnh.

+ Trong trường hợp người bệnh khám một chuyên khoa nhiều lần trong ngày cũng chỉ tính một lần khám bệnh.

+ Trong trường hợp người bệnh điều trị ngoại trú thì lần khám đầu tiên cũng như các lần khám tiếp theo, mỗi lần khám của y, bác sỹ đều được tính là một lần khám bệnh. (trường hợp bệnh nhân nhận kết quả XN, chuyển về khám lại... Cũng chỉ tính 1 lần).

Nếu người bệnh đến phòng khám chỉ để thực hiện các phương pháp điều trị theo chỉ định của y, bác sỹ thì không tính là lần khám bệnh. Mọi chăm sóc của y tá (điều dưỡng), nữ hộ sinh, kỹ thuật viên... đều không được tính là lần khám bệnh, ví dụ: Người bệnh đến để nhận thuốc, băng bó, rửa vết thương, tiêm thuốc...

- *Khái niệm về lượt khám bệnh:* Lượt khám bệnh là một người bệnh đến khám bệnh, khám sức khỏe định kỳ...được ghi chép vào sổ khám bệnh, có thể lấy hoặc không lấy đơn thuốc, nhưng không làm hồ sơ bệnh án. “Một người bệnh trong một lượt khám bệnh có thể có nhiều lần khám bệnh nếu người bệnh khám nhiều chuyên khoa...”

- *Khái niệm về lượt điều trị ngoại trú:* Là người bệnh sau khi đến khám lần đầu được lập hồ sơ bệnh án, có kế hoạch điều trị từng đợt, người bệnh có thể điều trị tại nhà hoặc vẫn làm việc nhưng được thầy thuốc theo dõi định kỳ, tiếp tục khám lại nhiều lần và điều trị theo đơn có ghi chép vào bệnh lịch giữa các lần khám cho đến khi khỏi bệnh hoặc ổn định

- *Khái niệm về lượt điều trị nội trú:* Là người bệnh sau khi đã làm các thủ tục nhập viện được vào nằm tại các khoa lâm sàng trong bệnh viện và được hưởng tất cả mọi chế độ chăm sóc điều trị đã quy định. Đối với người bệnh sau khi hoàn thành thủ tục nhập viện được tính là lượt người bệnh điều trị nội trú.

Phương pháp ghi chép: Biểu 01 gồm 02 phần và 6 dòng

- Phần thứ nhất: Thống kê chung số liệu về hoạt động khám, chữa bệnh của bệnh viện, viện có giường bệnh

+ Dòng thứ 1: Tổng số lượt khám bệnh của người bệnh tại bệnh viện, viện có giường bệnh/1 năm, tính đến hết ngày 31/12 của kỳ báo cáo.

+ Dòng thứ 2: Tổng số lượt điều trị ngoại trú của người bệnh tại bệnh viện, viện có giường bệnh/1 năm, tính đến hết ngày 31/12 của kỳ báo cáo.

+ Dòng thứ 3: Tổng số lượt điều trị nội trú của bệnh viện, viện có giường bệnh/1 năm, tính đến hết ngày 31/12 của kỳ báo cáo.

- Phần thứ hai: Ghi chép về hoạt động khám, chữa bệnh bằng YHCT, kết hợp YHCT với YHHĐ tại khoa/liên khoa YHCT trong bệnh viện YHHĐ: Dòng 4,5,6 ghi tương tự như dòng 1,2,3 nhưng là hoạt động của khoa/liên khoa YHCT

- Đối với bệnh viện, viện có giường bệnh thuộc lĩnh vực YDCT (VD: BV YHCT TW, BV Châm cứu TW...) thì điền các chỉ số tại phần thứ nhất.

www.LuatVietnam.vn

2. Biểu mẫu 02: Cơ cấu nhân lực

Cơ cấu nhân lực	Chung	Khoa/liên khoa YHCT
(1)	(2)	(3)
a) Tổng số Bác sĩ		
- Giáo sư bác sĩ		
- Phó giáo sư bác sĩ		
- Tiến sĩ Y khoa		
- Thạc sĩ Y khoa		
- Bác sĩ chuyên khoa II		
- Bác sĩ chuyên khoa I		
- Bác sĩ nội trú		
- Bác sĩ		
b) Tổng số Dược sĩ		
- Giáo sư Dược sĩ		
- Phó giáo sư Dược sĩ		
- Tiến sĩ Dược khoa		
- Thạc sĩ Dược khoa		
- Dược sĩ chuyên khoa II		
- Dược sĩ chuyên khoa I		
- Dược sĩ Đại học		
- Dược sĩ Cao đẳng		
- Dược sĩ Trung học/KTV dược TH		
c) Tổng số Điều dưỡng		
- Giáo sư điều dưỡng		
- Phó giáo sư điều dưỡng		
- Tiến sĩ điều dưỡng		
- Thạc sĩ điều dưỡng		
- Đại học điều dưỡng		
- Cao đẳng điều dưỡng		
- Trung học điều dưỡng		
d) Tổng số Kỹ thuật viên Y		
- Thạc sĩ KTV		
- Đại học KTV		
- Cao đẳng KTV		
- Trung học KTV		
e) Tổng số các cán bộ khác:		
- Giáo sư		
- Phó giáo sư		
- Tiến sĩ		
- Thạc sĩ		
- Đại học		
- Cao đẳng		
- Trung học		
- Hộ lý		
- Y công		
TỔNG CỘNG (a+b+c+d+e)		

Mục đích:

Biểu mẫu 02 sử dụng ghi chép các thông tin về cơ cấu và trình nhân lực của các đơn vị (Bệnh viện, viện có giường bệnh; bệnh viện thực hành thuộc trường đại học y) trực thuộc Bộ Y tế

Chú ý:

- Mỗi một người chỉ được tích vào cột thống kê một lần và lấy học hàm, học vị cao nhất, trong trường hợp với 1 người có 2 hoặc 3 bằng đại học hoặc bằng đào tạo sau đại học khác với bằng đại học thì chỉ được phép lấy 1 bằng chuyên ngành thuộc lĩnh vực chuyên môn đang làm hoặc 1 bằng có trình độ cao nhất làm căn cứ báo cáo.

- Đối với mục c, d thống kê trình độ phải đúng chuyên ngành đã nêu (VD: 1 người học đại học điều dưỡng và cao học quản lý bệnh viện, khi điền vào “mục c” chỉ được điền là bậc đại học chuyên ngành điều dưỡng, không được điền vào dòng Thạc sĩ, nếu không điền vào “mục c” mà muốn điền là Thạc sĩ thì điền vào “mục e” hoặc tốt nghiệp ngành điều dưỡng nhưng làm ở các phòng chức năng thì điền thống kê vào mục e).

- Đối với mục e “Tổng số cán bộ khác”:

+ Thống kê số liệu không bao gồm những chức danh, chuyên ngành đã thống kê ở mục a,b,c,d.

+ Hộ lý, Y công là những nhân viên do bệnh viện quản lý.

Phương pháp ghi chép: Biểu 02 gồm 03 cột

- Cột 1: Các chỉ số nhân lực cần báo cáo

- Cột 2: Điền rõ các chỉ số cơ cấu, trình độ nhân lực chung của toàn bệnh viện, viện có giường bệnh tính đến thời điểm 31/12 của kỳ báo cáo

- Cột 3: Điền rõ các chỉ số cơ cấu và trình độ nhân lực của khoa/tổ YHCT trong bệnh viện, viện có giường bệnh tính đến thời điểm 31/12 của kỳ báo cáo

- Đối với bệnh viện, viện có giường bệnh thuộc lĩnh vực YDCT thì điền vào cột 2.

3. Biểu mẫu 03: Cơ cấu nhân lực tham gia giảng dạy

Cơ cấu nhân lực	Chung		Y dược cổ truyền	
	GV cơ hữu	GV thỉnh giảng	GV cơ hữu	GV thỉnh giảng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
a) Tổng số Bác sĩ				
- Giáo sư bác sĩ				
- Phó giáo sư bác sĩ				
- Tiến sĩ Y khoa				
- Thạc sĩ Y khoa				
- Bác sĩ chuyên khoa II				
- Bác sĩ chuyên khoa I				
- Bác sĩ nội trú				
- Bác sĩ				
b) Tổng số Dược sĩ				
- Giáo sư Dược sĩ				
- Phó giáo sư Dược sĩ				
- Tiến sĩ Dược khoa				
- Thạc sĩ Dược khoa				
- Dược sĩ chuyên khoa II				
- Dược sĩ chuyên khoa I				
- Dược sĩ Đại học				
c) Tổng số Điều dưỡng				
- Giáo sư điều dưỡng				
- Phó giáo sư điều dưỡng				
- Tiến sĩ điều dưỡng				
- Thạc sĩ điều dưỡng				
- Đại học điều dưỡng				
d) Tổng số Kỹ thuật viên Y				
- Thạc sĩ KTV				
- Đại học KTV				
- Cao đẳng KTV				
e) Tổng số các cán bộ khác:				
- Giáo sư				
- Phó Giáo sư				
- Tiến sĩ				
- Thạc sĩ				
- Đại học				
- Cao đẳng				
- Trung học				
TỔNG CỘNG (a+b+c+d+e)				

Mục đích:

Biểu mẫu 03 sử dụng ghi chép các thông tin về cơ cấu và trình độ nhân lực tham gia giảng dạy của trường đại học, các trung tâm đào tạo thuộc bệnh

viện, viện có giường bệnh

Chú ý:

- Mỗi một người chỉ được tích vào cột thống kê một lần và lấy học hàm, học vị cao nhất, trong trường hợp với 1 người có 2 hoặc 3 bằng đại học hoặc bằng đào tạo sau đại học khác với bằng đại học thì chỉ được phép lấy 1 bằng chuyên ngành thuộc lĩnh vực chuyên môn đang làm hoặc 1 bằng có trình độ cao nhất làm căn cứ báo cáo.

- Đối với mục c, d thống kê trình độ phải đúng chuyên ngành đã nêu (VD: 1 người học đại học điều dưỡng và cao học quản lý bệnh viện, khi điền vào "mục c" chỉ được điền là bậc đại học chuyên ngành điều dưỡng, không được điền vào dòng Thạc sĩ, nếu không điền vào "mục c" mà muốn điền là Thạc sĩ thì điền vào "mục e" hoặc nếu tốt nghiệp ngành điều dưỡng nhưng làm ở các phòng chức năng thì điền thống kê vào mục e).

- Đối với mục e "Tổng số cán bộ khác": Thống kê số liệu không bao gồm những chức danh, chuyên ngành đã thống kê ở mục a,b,c,d.

Phương pháp ghi chép: Biểu gồm 5 cột

- Cột 1: Các chỉ số nhân lực cần báo cáo

- Cột 2: Điền rõ các chỉ số cơ cấu và trình độ nhân lực tham gia giảng dạy cơ hữu chung của trường đại học, bệnh viện, viện có giường bệnh có trung tâm đào tạo tính đến thời điểm 31/12 của kỳ báo cáo.

(Giảng viên cơ hữu của trường đại học công lập là viên chức được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo quy định của pháp luật về viên chức)

- Cột 3: Điền rõ các chỉ số cơ cấu nhân lực tham gia giảng dạy thỉnh giảng chung của trường đại học, bệnh viện, viện có giường bệnh có trung tâm đào tạo tính đến thời điểm 31/12 của kỳ báo cáo.

(Thỉnh giảng là việc cơ sở giáo dục mời nhà giáo hoặc người có đủ tiêu chuẩn của nhà giáo được quy định tại điều 2 Thông tư 44/2011/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và phải đảm bảo các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 điều 70 Luật giáo dục)

- Cột 4: Điền như cột 2

(Giảng viên cơ hữu của trung tâm, khoa, bộ môn, tổ tham gia giảng dạy về

lĩnh vực YDCT)

- Cột 5: Điền như cột 3

(Giảng viên thỉnh giảng của trung tâm, khoa, bộ môn, tổ tham gia thỉnh giảng về lĩnh vực YDCT)

- Đối với trung tâm đào tạo thuộc bệnh viện YHCT TW, bệnh viện Châm cứu TW, Học viện YDHCT Việt Nam được điền vào cột 4 và 5

4. Biểu mẫu 04: Đào tạo nhân lực tại các cơ sở đào tạo tuyển TW

Bảng 1: Tổng số và trình độ học viên, sinh viên được đào tạo chuyên ngành y

Tổng số học viên, sinh viên tốt nghiệp	Trình độ chuyên môn cán bộ y tế được đào tạo							
	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Chuyên khoa II	Chuyên khoa I	Bác sĩ nội trú	Bác sĩ định hướng	Bác sĩ	Cử nhân
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Chung toàn đơn vị								
Trong đó Y học cổ truyền								

Bảng 2: Tổng số và trình độ học viên, sinh viên được đào tạo chuyên ngành dược

Tổng số học viên, sinh viên tốt nghiệp	Trình độ chuyên môn cán bộ y tế được đào tạo						
	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Chuyên khoa II	Chuyên khoa I	Dược sĩ đại học	Dược sĩ cao đẳng	Dược sĩ trung học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chung toàn đơn vị							
Trong đó Dược học cổ truyền							

Mục đích:

Biểu mẫu 04 sử dụng ghi chép các thông tin về tình hình đào tạo nhân lực tại các cơ sở đào tạo tuyển TW (Trường đại học y, dược, các trung tâm đào tạo thuộc bệnh viện, viện có giường bệnh).

Chú ý:

Biểu này dùng thống kê số lượng học viên, sinh viên tốt nghiệp trong tại các cơ sở đào tạo và được cấp văn bằng, đối với các loại hình đào tạo chỉ cấp chứng chỉ thì không tính vào chỉ số thống kê

Phương pháp ghi chép: Biểu 04 gồm 2 bảng, mỗi bảng gồm 2 dòng, bảng 1 gồm 9 cột, bảng 2 gồm 8 cột

- Bảng 1: là số học viên, sinh viên tốt nghiệp thuộc chuyên ngành y gồm

(bác sĩ, cử nhân y học) tốt nghiệp trong năm của đơn vị đào tạo

+ Cột 1: Chỉ tiêu báo cáo chung của đơn vị và lĩnh vực y học cổ truyền

+ Cột từ 2 đến 7: Số lượng các học viên tốt nghiệp sau đại học thuộc chuyên ngành y học của đơn vị đào tạo

+ Cột 8: Số bác sĩ tốt nghiệp trong năm của đơn vị đào tạo (*bác sĩ lâm sàng và dự phòng*)

+ Cột 9: Số cử nhân tốt nghiệp trong năm của đơn vị đào tạo (*điều dưỡng, kỹ thuật viên y học, dinh dưỡng, khúc xạ nhãn khoa, cử nhân y tế công cộng...*)

- Bảng 2: là số học viên, sinh viên tốt nghiệp thuộc chuyên ngành dược trong năm của đơn vị đào tạo

+ Cột 1: Chỉ tiêu báo cáo chung của đơn vị và lĩnh vực dược cổ truyền

+ Cột từ 2 đến 5: Số lượng các học viên tốt nghiệp sau đại học thuộc chuyên ngành dược của đơn vị đào tạo

+ Cột 6: Số dược sĩ tốt nghiệp trong năm của đơn vị đào tạo

+ Cột 7: Số sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng dược trong năm của đơn vị đào tạo

+ Cột 8: Số sinh viên tốt nghiệp trình độ trung cấp dược trong năm của đơn vị đào tạo

5. Biểu 05: Nghiên cứu khoa học

Tên địa phương, đơn vị báo cáo	Trong đó											
	Cấp nhà nước			Cấp bộ			Cấp tỉnh/Thành phố			Cấp cơ sở		
	Đang triển khai	Nghiệm thu	Ứng dụng	Đang triển khai	Nghiệm thu	Ứng dụng	Đang triển khai	Nghiệm thu	Ứng dụng	Đang triển khai	Nghiệm thu	Ứng dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Mục đích:

Biểu mẫu 05 sử dụng ghi chép các thông tin về tình hình nghiên cứu khoa học tại các địa phương, đơn vị về lĩnh vực YDCT

Chú ý:

Đối với các đề tài nghiên cứu hợp tác quốc tế, nghiên cứu theo hợp

đồng thì Hội đồng nghiệm thu cấp nào thì khi thống kê xếp vào cấp đề tài đó

Phương pháp ghi chép: Biểu 05 gồm 16 cột

+ Cột 1: Điền tên địa phương, đơn vị báo cáo.

+ Cột 2, 5, 8, 11: Điền số lượng đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp đang triển khai thực hiện tính đến ngày 31/12 tại địa phương, đơn vị báo cáo về lĩnh vực y, dược cổ truyền.

+ Cột 3, 6, 9, 12: Điền số lượng đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp đã nghiệm thu trong năm tính đến 31/12 tại địa phương, đơn vị báo cáo về lĩnh vực y, dược cổ truyền.

+ Cột 4, 7, 10, 13: Điền số lượng đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp được đưa vào ứng dụng trong năm tính đến 31/12 tại địa phương, đơn vị báo cáo về lĩnh vực y, dược cổ truyền.

6. Biểu 06: Hệ thống quản lý YDCT tại địa phương

Bảng 1: Mô hình quản lý tại Sở Y tế

Mô hình tổ chức	Trình độ đào tạo							
	Tổng số	Tiến sĩ	Thạc sĩ	CKII	CKI	Bác sĩ	Dược sĩ Đại học	Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Phòng quản lý YDCT								
Chuyên viên chuyên trách								
Chuyên viên bán chuyên trách								

Bảng 2: Mô hình quản lý tại tuyến huyện

Tuyến huyện	Cán bộ		Trình độ đào tạo							
	Chuyên trách	Bán chuyên trách	Tổng số	Tiến sĩ	Thạc sĩ	CKII	CKI	Bác sĩ	Dược sĩ Đại học	Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng số										

Mục đích:

Biểu mẫu 06 sử dụng ghi chép các thông tin về mô hình tổ chức quản lý

công tác YDCT tại địa phương

Phương pháp ghi chép: Biểu 06 gồm 02 bảng

- Bảng 1: Mô hình và trình độ cán bộ làm công tác quản lý tại Sở Y tế, bảng có 3 dòng và 9 cột

+ Cột 1: Mô hình quản lý ở cấp Sở Y tế, nếu thuộc mô hình nào thì trong phần trình độ chuyên môn điền vào dòng tương ứng

+ Cột từ 2 đến 8: là trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác quản lý, nếu cán bộ có nhiều văn bằng thì sử dụng văn bằng chuyên môn cao nhất hoặc văn bằng đang sử dụng theo vị trí việc làm tại cơ quan, đơn vị và tích vào cột tương ứng. Đối với mô hình phòng có nhiều cán bộ, có bao nhiêu tích vào bấy nhiêu, trường hợp có nhiều hơn 02 cán bộ cùng trình độ và chuyên ngành thì có thể thay tích bằng việc ghi số tương đương với số cán bộ có cùng trình độ và chuyên ngành

+ Cột 9: nếu cán bộ có trình độ chuyên môn không thuộc cột từ 2 đến 8, ví dụ cử nhân thì điền vào cột 9

- Bảng 2: Hệ thống và trình độ cán bộ làm công tác quản lý tại tuyến huyện, bảng có 11 cột

+ Cột 1: Điền tên đơn vị hành chính cấp huyện trong tỉnh

+ Cột 2 và 3: Mô hình quản lý cấp huyện, nếu có cán bộ theo dõi công tác quản lý thuộc mô hình nào thì tích vào cột đó

+ Cột từ 4 đến 10: Là trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác quản lý, nếu cán bộ có nhiều văn bằng thì sử dụng văn bằng chuyên môn cao nhất hoặc văn bằng đang sử dụng theo vị trí việc làm tại cơ quan, đơn vị và tích vào cột tương ứng.

+ Cột 11: Nếu cán bộ có trình độ chuyên môn không thuộc cột từ 4 đến 9, ví dụ cử nhân thì điền vào cột 11

7. Biểu mẫu 07: Hệ thống khám, chữa bệnh YDCT

Bảng 1: Hệ thống bệnh viện y dược cổ truyền

STT	Bệnh viện YDCT cổ truyền					
	Tên bệnh viện	Diện tích bệnh viện		Hạng bệnh viện	Số giường kế hoạch	Số giường thực kê
		Diện tích chung	Diện tích sử dụng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
Tổng số						

Bảng 2: Hệ thống khoa/tổ YHCT trong cơ sở khám, chữa bệnh bằng YHHD

STT	Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tỉnh, khu vực, huyện					
	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Khoa YHCT	Tổ YHCT	Hạng bệnh viện	Số giường bệnh viện	Số giường YHCT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Tuyến tỉnh					
1						
2						
...						
Tổng số						
II	Tuyến huyện					
1						
2						
...						
Tổng số						
III	Bệnh viện đa khoa khu vực					
1						
2						
...						
Tổng số						
IV	Phòng khám đa khoa khu vực					
1						
2						
...						
Tổng số						

Mục đích:

Biểu mẫu 07 sử dụng ghi chép các thông tin về hệ thống khám, chữa bệnh y dược cổ truyền tại địa phương

Phương pháp ghi chép: Biểu 07 gồm 2 bảng

- Bảng 1: Có 7 cột

- + Cột 1: Số thứ tự
- + Cột 2: Điền đầy đủ tên bệnh viện theo Quyết định thành lập
- + Cột 3: Điền số diện tích mặt bằng của bệnh viện (tính bằng m²)
- + Cột 4: Điền diện tích sử dụng của bệnh viện (tính bằng m²)
- + Cột 5: Điền hạng bệnh viện tại thời điểm báo cáo

(Hạng bệnh viện theo quy định tại Thông tư 23/2005/TT-BYT, ngày 25/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế)

- + Cột 6: Điền số giường kế hoạch của bệnh viện trong năm đó

(Là giường được phân cho các cơ sở khám, chữa bệnh lấy từ nguồn ngân sách nhà nước và do Sở Y tế quy định)

- + Cột 7: Điền số thực kê của bệnh viện tại thời điểm báo cáo

- Bảng 2: Có 7 cột

+ Cột 1: Số thứ tự trong đó có 4 phần lớn tương đương với cơ sở khám, chữa bệnh thuộc các phân tương ứng

- + Cột 2: Điền đầy đủ tên bệnh viện, phòng khám theo 4 phân tương ứng

+ Cột 3 và 4: Nếu cơ sở khám, chữa bệnh có khoa YHCT thì tích vào cột 3, nếu có liên khoa/tổ YHCT thì tích vào cột 4, nếu không có thì để trống

- + Cột 5: Điền hạng cơ sở khám, chữa bệnh tại thời điểm báo cáo

+ Cột 6: Điền số giường thực kê của cơ sở khám, chữa bệnh tại thời điểm báo cáo

+ Cột 7: Điền số thực kê của khoa/liên khoa/tổ YHCT của cơ sở khám, chữa bệnh (nếu có) tại thời điểm báo cáo.

8. Biểu 08: Y tế cơ sở

STT	Tên huyện	Trong đó								
		Tổng số trạm y tế xã	Số xã có vườn thuốc mẫu	Số xã triển khai BHYT trong KCB	Số trạm y tế có triển khai KCB bằng YHCT		Số xã triển khai điều trị bằng thuốc Thành phẩm YHCT	Số xã triển khai điều trị bằng thuốc Thang	Số xã triển khai điều trị không dùng thuốc	Số xã đạt tiên tiến về YHCT
					Tổng số	Số xã được quỹ BHYT thanh toán				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										
...										
Tổng số										

Mục đích:

Biểu mẫu 08 sử dụng ghi chép các thông tin về tiêu chí đánh giá công tác y dược cổ truyền tại tuyến xã, phường, thị trấn (Các trạm y tế xã, phường, thị trấn gọi chung là xã)

Phương pháp ghi chép: Biểu 08 gồm 11 cột

- + Cột 1: Số thứ tự
- + Cột 2: Điền đầy đủ tên đơn vị hành chính cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (Gọi chung là cấp huyện) tại địa phương
- + Cột 3: Điền tổng số trạm y tế xã của huyện tương ứng
- + Cột 4: Điền tổng số trạm y tế xã của huyện tương ứng có triển khai trồng vườn thuốc mẫu

(Theo quy định tại trong danh mục thuốc thiết yếu Bộ Y tế ban hành kèm theo Thông tư 40/2013/TT-BYT ngày 18/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Quyết định số 647/QĐ-BYT ngày 14/2/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành “Tiêu chí xác định xã tiên tiến về y dược cổ truyền”, áp dụng cho các xã, phường, thị trấn)

- + Cột 5: Điền số xã có triển khai BHYT trong hoạt động khám, chữa bệnh tại trạm của huyện tương ứng

+ Cột 6: Điền số xã có triển khai khám, chữa bệnh bằng YHCT tại trạm của huyện tương ứng

+ Cột 7: Điền số xã được quỹ BHYT thanh toán trong hoạt động khám, chữa bệnh bằng YHCT tại trạm của huyện tương ứng

+ Cột 8: Điền số xã có triển khai sử dụng thuốc thành phẩm trong hoạt động khám, chữa bệnh bằng YHCT của huyện tương ứng

+ Cột 9: Điền số xã có triển khai sử dụng thuốc thang (Thuốc bắc, thuốc nam) trong hoạt động khám, chữa bệnh bằng YHCT của huyện tương ứng

+ Cột 10: Điền số xã có triển khai sử dụng phương pháp điều trị không dùng thuốc (châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt...) trong hoạt động khám, chữa bệnh bằng YHCT của huyện tương ứng

+ Cột 11: Điền số xã tiên tiến về YHCT của huyện tương ứng

(Theo Quyết định số 647/QĐ-BYT ngày 14/2/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành “Tiêu chí xác định xã tiên tiến về y dược cổ truyền”, áp dụng cho các xã, phường, thị trấn)

9. Biểu 09: Hành nghề y tế tư nhân

STT	Tên huyện	Bệnh viện YHCT tư nhân	Phòng chẩn trị YHCT		Cơ sở hành nghề bài thuốc gia truyền	Cơ sở xuất thuốc đông dược	Cơ sở bán buôn dược liệu	Cơ sở bán lẻ dược liệu	Các loại hình hành nghề khác
			Trong nước	Có yếu tố nước ngoài					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1									
2									
3									
4									
...									
Tổng số									

Mục đích:

Biểu mẫu 09 sử dụng ghi chép các thông tin về cơ sở hành nghề YDCT tư nhân tại các tỉnh, thành phố trực thuộc TW

Phương pháp ghi chép: Biểu 09 gồm 10 cột

+ Cột 1: Số thứ tự

- + Cột 2: Điền đầy đủ tên đơn vị hành chính cấp huyện tại địa phương
- + Cột 3: Điền số bệnh viện YHCT tư nhân đang hoạt động của huyện tương ứng
- + Cột 4: Điền số phòng chẩn trị YHCT đang hoạt động trên địa bàn của huyện tương ứng
- + Cột 5: Điền số phòng chẩn trị YHCT đang hoạt động trên địa bàn của huyện tương ứng có yếu tố người nước ngoài
(Có yếu tố nước ngoài là trong cơ sở hành nghề có người quốc tịch không phải là Việt Nam nhưng có tham gia đầu tư vốn, góp vốn, quản lý hoặc trực tiếp hành nghề chuyên môn khám, chữa bệnh tại cơ sở)
- + Cột 6: Điền số phòng chẩn trị YHCT đang hoạt động bằng bài thuốc gia truyền trên địa bàn của huyện tương ứng
- + Cột 7: Điền số cơ sở sản xuất thuốc đông dược đóng trên địa bàn của huyện tương ứng và đang hoạt động
- + Cột 8: Điền số cơ sở bán buôn dược liệu đóng trên địa bàn của huyện tương ứng và đang hoạt động
- + Cột 9: Điền số cơ sở bán lẻ dược liệu đóng trên địa bàn của huyện tương ứng và đang hoạt động
- + Cột 10: Điền các loại hình hoạt động khác không thuộc các loại hình đã điền từ cột số 3 đến cột số 9

10. BIỂU 10: Cấp chứng chỉ hành nghề và giấy phép hoạt động

Bảng 1: Thống kê số liệu cấp chứng chỉ hành nghề tích lũy từ lúc triển khai đến thời điểm báo cáo

STT	Các loại hình hoạt động	Chứng chỉ hành nghề			Giấy phép hoạt động		
		Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận	Đã cấp	Thu hồi	Tổng số hồ sơ	Đã cấp	Thu hồi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Công lập						
1	Bệnh viện YDCT						
2	Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh						
3	Bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh						
4	Bệnh viện đa khoa tuyến huyện						
5	Bệnh viện đa khoa khu vực						
6	Phòng khám đa khoa khu vực						
7	Trạm y tế xã, phường, thị trấn						
II	Tư nhân						
1	Bệnh viện YDCT						
2	Bệnh viện đa khoa						
3	Phòng chẩn trị YHCT						
4	Cơ sở hành nghề bài thuốc gia truyền						

Bảng 2: Thống kê số liệu cấp chứng chỉ hành nghề trong kỳ báo cáo

STT	Các loại hình hoạt động	Chứng chỉ hành nghề			Giấy phép hoạt động		
		Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận	Đã cấp	Thu hồi	Tổng số hồ sơ	Đã cấp	Thu hồi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Công lập						
1	Bệnh viện YDCT						
2	Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh						
3	Bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh						
4	Bệnh viện đa khoa tuyến huyện						
5	Bệnh viện đa khoa khu vực						
6	Phòng khám đa khoa khu vực						
7	Trạm y tế xã, phường, thị trấn						
II	Tư nhân						
1	Bệnh viện YDCT						
2	Bệnh viện đa khoa						
3	Phòng chẩn trị YHCT						
4	Cơ sở hành nghề bài thuốc gia truyền						

Mục đích:

Biểu mẫu 10 sử dụng ghi chép các thông tin liên quan đến việc cấp chứng chỉ hành nghề và giấy phép hoạt động của các đơn vị khám, chữa bệnh bằng YHCT hoặc có liên quan đến YHCT tại các tỉnh, thành phố trực thuộc TW

Phương pháp ghi chép: Biểu 10 gồm 2 bảng, mỗi bảng 8 cột chia làm 2 phần là công lập và tư nhân

- + Cột 1: Số thứ tự
- + Cột 2: Các loại hình hoạt động
- + Cột 3: Điền tổng số hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của từng loại hình hoạt động tương ứng
- + Cột 4: Điền số chứng chỉ hành nghề đã cấp của từng loại hình hoạt động tương ứng
- + Cột 5: Điền số chứng chỉ hành nghề thu hồi (nếu có) của từng loại hình hoạt động tương ứng
- + Cột 6: Điền tổng số hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động của từng loại hình hoạt động tương ứng
- + Cột 7: Điền số giấy phép hoạt động đã cấp của từng loại hình hoạt động tương ứng
- + Cột 8: Điền số giấy phép hoạt động thu hồi (nếu có) của từng loại hình hoạt động tương ứng

11. Biểu 11: Khám, chữa bệnh tại địa phương

STT	Tiêu chí	Tỉnh	Huyện	Xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I. Tổng số khám và điều trị chung				
1	Tổng số lượt khám bệnh /1 năm			
2	Tổng số lượt điều trị ngoại trú/1 năm			
3	Tổng số lượt điều trị nội trú và nội trú ban ngày/1 năm			
II. Tổng số khám và điều trị bằng Y học cổ truyền				
4	Tổng số lượt khám bệnh /1 năm			
5	Tổng số lượt điều trị ngoại trú/1 năm			
6	Tổng số lượt điều trị nội trú và nội trú ban ngày/1 năm			

Mục đích:

Biểu mẫu 11 sử dụng ghi chép các thông tin về khám, chữa bệnh của địa phương tại 3 tuyến (tỉnh, huyện, xã)

Một số khái niệm (Xem phần giải thích tại biểu 01)

Phương pháp ghi chép: Biểu 01 gồm 2 phần, 5 cột và 6 dòng

+ Cột 1: Số thứ tự

+ Cột 2: Các chỉ tiêu cần lấy

+ Cột 3: Điền chỉ tiêu khám, chữa bệnh tại tuyến tỉnh

+ Cột 4: Điền chỉ tiêu khám, chữa bệnh tại tuyến huyện

+ Cột 5: Điền chỉ tiêu khám, chữa bệnh tại tuyến xã

- Phần thứ nhất: Ghi chép chung về hoạt động khám, chữa bệnh của địa phương

+ Dòng thứ 1: Tổng số lượt khám bệnh của người bệnh trong các cơ sở KCB tại địa phương/1 năm, tính đến hết ngày 31/12 của kỳ báo cáo

+ Dòng thứ 2: Tổng số lượt điều trị ngoại trú của người bệnh trong các cơ sở KCB tại địa phương/1 năm, tính đến hết ngày 31/12 của kỳ báo cáo

+ Dòng thứ 3: Tổng số lượt điều trị nội trú của người bệnh trong các cơ sở KCB tại địa phương/1 năm, tính đến hết ngày 31/12 của kỳ báo cáo

- Phần thứ hai: Ghi chép về hoạt động khám, chữa bệnh bằng YHCT, kết hợp YHCT với YHHĐ trong các cơ sở khám, chữa bệnh tại địa phương. Dòng 4,5,6 ghi tương tự như dòng 1,2,3 nhưng là hoạt động về khám, chữa bệnh bằng YHCT



12. BIỂU 12: Cơ cấu nhân lực địa phương

Cơ cấu nhân lực	Chung			Y dược cổ truyền		
	Tỉnh	Huyện	Xã	Tỉnh	Huyện	Xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
a) Tổng số Bác sĩ						
- Giáo sư bác sĩ						
- Phó giáo sư bác sĩ						
- Tiến sĩ Y khoa						
- Thạc sĩ Y khoa						
- Bác sĩ chuyên khoa II						
- Bác sĩ chuyên khoa I						
- Bác sĩ						
- Y sĩ làm công tác điều trị						
- Lương Y						
b) Tổng số Dược sĩ						
- Giáo sư Dược sĩ						
- Phó giáo sư Dược sĩ						
- Tiến sĩ Dược khoa						
- Thạc sĩ Dược khoa						
- Dược sĩ chuyên khoa II						
- Dược sĩ chuyên khoa I						
- Dược sĩ Đại học						
- Dược sĩ Cao đẳng						
- Dược sĩ Trung học						
- Dược tá (sơ học)						
c) Tổng số Điều dưỡng						
- Giáo sư điều dưỡng						
- Phó giáo sư điều dưỡng						
- Tiến sĩ điều dưỡng						
- Thạc sĩ điều dưỡng						
- Đại học điều dưỡng						
- Cao đẳng điều dưỡng						
- Trung học điều dưỡng						
- Sơ học điều dưỡng						
d) Tổng số Kỹ thuật viên Y						
- Thạc sĩ KTV						
- Đại học KTV						
- Cao đẳng KTV						
- Trung học KTV						
- Sơ học KTV						
e) Tổng số các cán bộ khác:						
- Giáo sư						
- Phó giáo sư						
- Tiến sĩ						
- Thạc sĩ						
- Đại học						
- Cao đẳng						

- Trung học						
- Sơ học						
TỔNG CỘNG (a+b+c+d+e)						

Mục đích:

Biểu mẫu 12 sử dụng ghi chép các thông tin về cơ cấu và trình độ nhân lực Y tế tại địa phương

(Một số chú ý cách ghi chép xem phần giải thích tại biểu 02)

Phương pháp ghi chép: Biểu gồm 7 cột

- Cột 1: Các chỉ số nhân lực cần báo cáo
- Cột 2, 3, 4: Điền rõ các chỉ số cơ cấu và trình độ nhân lực chung của địa phương theo 3 tuyến (tỉnh, huyện, xã) tính đến thời điểm 31/12 của kỳ báo cáo
- Cột 5,6,7 Điền rõ các chỉ số cơ cấu và trình độ nhân lực hoạt động trong lĩnh vực YDCT của địa phương theo 3 tuyến (tỉnh, huyện, xã) tính đến thời điểm 31/12 của kỳ báo cáo.

13. Biểu 13: Công tác đào tạo nhân lực tại địa phương

STT	Tên cơ sở đào tạo	Có khoa YHCT	Có bộ môn YHCT	Có tổ YHCT	Số tuyển sinh trong năm		Số tốt nghiệp trong năm	
					Chung	YDCT	Chung	YDCT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								

Mục đích:

Biểu mẫu 13 sử dụng ghi chép các thông tin về đào tạo nhân lực tại địa phương (Trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp y, dược)

Phương pháp ghi chép: Biểu 13 gồm 9 cột

- + Cột 1: Số thứ tự
- + Cột 2: Tên cơ sở đào tạo nhân lực y tế tại địa phương
- + Cột 3: Nếu cơ sở có khoa YHCT
- + Cột 4: Nếu cơ sở có bộ môn YHCT
- + Cột 5: Nếu cơ sở có tổ YHCT
- + Cột 6: Điền số lượng tuyển sinh chung của cơ sở đào tạo trong năm
- + Cột 7: Điền số lượng tuyển sinh YDCT của cơ sở đào tạo trong năm
- + Cột 8: Điền số lượng tốt nghiệp chung của cơ sở đào tạo trong năm
- + Cột 9: Điền số lượng tốt nghiệp YDCT của cơ sở đào tạo trong năm

14. Biểu 14: Công tác thanh tra, kiểm tra

STT	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực YDCT	Số lượng	
		Y	Dược
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Số cơ sở YDCT được kiểm tra trong năm		
2	Số cơ sở vi phạm		
	Trong đó: Số cơ sở hoạt động không có giấy phép		
	Số cơ sở bị xử phạt		
	Số cơ sở bị đình chỉ hoạt động		
	Các hình thức xử phạt khác		

Mục đích:

Biểu mẫu 14 sử dụng ghi chép các thông tin về công tác thanh tra, kiểm tra (Chỉ tính trong khối cơ sở khám, chữa bệnh công lập)

Phương pháp ghi chép: Biểu 14 gồm 6 tiêu chí từ dòng và 4 cột

+ Cột 1: Số thứ tự

+ Cột 2: Tiêu chí đánh giá

+ Cột 3: Điền số lượng cơ sở thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực Y cổ truyền

+ Cột 4: số lượng cơ sở thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực Dược cổ truyền

15. Biểu 15: Công tác xã hội hóa

STT	Kết quả công tác xã hội hóa trong lĩnh vực YDCT	Số lượng
(1)	(2)	(3)
1	Tổng số đơn vị YDCT có triển khai xã hội hóa	
2	Trong đó: Liên doanh, liên kết khám, chữa bệnh	
	Đặt máy	
	Góp vốn	
	Khác	

Mục đích:

Biểu mẫu 15 sử dụng ghi chép các thông tin về công tác xã hội hóa (Chỉ tính trong khối cơ sở khám, chữa bệnh công lập)

Phương pháp ghi chép: Biểu 15 gồm 5 tiêu chí đánh giá từ dòng 1 đến dòng 5 và 3 cột

+ Cột 1: Số thứ tự

+ Cột 2: Tiêu chí đánh giá

+ Cột 3: Điền số lượng cơ sở triển khai xã hội hóa



16. Biểu 16: Tình hình sử dụng dược liệu, vị thuốc YHCT tại địa phương

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tổng số tiền mua thuốc	1.000đ	
	Chế phẩm	1.000đ	
	Dược liệu	1.000đ	
	Vị thuốc y học cổ truyền	1.000đ	
2	Tổng số kg dược liệu trong năm	kg	
	Thuốc trong nước	kg	
	Thuốc nhập khẩu	kg	
3	Tổng số kg vị thuốc y học cổ truyền trong năm	kg	
	Thuốc trong nước	kg	
	Thuốc nhập khẩu	kg	
4	Số lượng chế phẩm YHCT sản xuất tại các cơ sở khám, chữa bệnh		

Mục đích:

Biểu mẫu 16 sử dụng ghi chép các thông tin về tình hình sử dụng dược liệu, vị thuốc y học cổ truyền tại địa phương

Một số khái niệm

Thuốc trong nước: là dược liệu, vị thuốc y học cổ truyền có nguồn gốc trong nước, được trồng ở Việt Nam.

Thuốc nhập khẩu: là dược liệu, vị thuốc có nguồn gốc nước ngoài, được nhập khẩu vào Việt Nam.

Phương pháp ghi chép: Biểu 15 gồm 4 cột

- + Cột 1: Số thứ tự
- + Cột 2: Các chỉ tiêu thống kê
- + Cột 3: Đơn vị tính khi thống kê số liệu
- + Cột 4: Số lượng đã sử dụng theo đơn vị tính tại cột 3

17. Biểu 17: Dự án phát triển dược liệu tại địa phương

STT	Tên đề án/dự án	Số lượng các loài dược liệu	Địa điểm thực hiện	Đơn vị thực hiện	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	
					Ngân sách nhà nước	Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						

Mục đích:

Biểu mẫu 17 sử dụng ghi chép các thông tin về đề án/dự án phát triển dược liệu tại địa phương

Phương pháp ghi chép: Biểu 16 gồm 7 cột

- + Cột 1: Số thứ tự
- + Cột 2: Điền tên các đề án/dự án triển khai phát triển dược liệu tại địa phương
- + Cột 3: Điền số lượng các loài dược liệu triển khai trong đề án/dự án
- + Cột 4: Điền địa điểm triển khai thực hiện đề án/dự án
- + Cột 5: Điền tên đơn vị chủ trì thực hiện đề án/dự án
- + Cột 6: Điền tổng số tiền đầu tư cho đề án/dự án thuộc ngân sách nhà nước
- + Cột 7: Điền tổng số tiền đầu tư cho đề án/dự án thuộc các nguồn kinh phí huy động khác.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG *Nguyen Thi Xuyen*

Nguyễn Thị Xuyên